

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH: *TRUYỀN THÔNG MARKETING*

Đơn vị cấp bằng: Học viện Báo chí và Tuyên truyền
Mã ngành: 7310201

Năm, 2024

Số 1124-QĐ/HVBCTT-ĐT

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ
ngành Quan hệ công chúng, chuyên ngành Truyền thông Marketing**

Căn cứ Quyết định số 9019-QĐ/HVCTQG ngày 29/4/2022 của Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1111-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 4408-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 15/9/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền điều chỉnh chuẩn đầu vào, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá ngành Quan hệ công chúng, chuyên ngành Truyền thông Marketing chất lượng cao;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Quan hệ công chúng, chuyên ngành Truyền thông Marketing;

Xét đề nghị của Trưởng ban Quản lý Đào tạo và Trưởng khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo,

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Quan hệ công chúng, chuyên ngành Truyền thông Marketing (Có chương trình kèm theo).

Điều 2. Chương trình được thực hiện từ khóa tuyển sinh năm học 2024 - 2025.

Điều 3. Trưởng ban Quản lý Đào tạo, Trưởng khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c),
- Học viện CTQG HCM (b/c),
- Hội đồng trường,
- Ban Giám đốc Học viện,
- Như Điều 3,
- Lưu VT, ĐT.



GIÁM ĐỐC

Phạm Minh Sơn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH QUAN HỆ CÔNG CHÚNG – CHUYÊN NGÀNH TRUYỀN THÔNG MARKETING

(Ban hành theo Quyết định số 1124 ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình bằng tiếng Việt: **Truyền thông marketing**

Tên chương trình đào tạo bằng tiếng Anh: **Marketing Communication**

Mã ngành: 7320108

Tên văn bằng: Cử nhân Quan hệ công chúng

Đơn vị cấp bằng: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Trình độ đào tạo: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy tập trung

Thời gian đào tạo: 4 năm

Số tín chỉ toàn khóa: 130 tín chỉ (chưa bao gồm 13 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

Đơn vị quản lý: Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo

Website: <https://khoaprquangcao.edu.vn/>

Ngày ban hành: 22/02/2024

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng ở bậc đại học ngành quan hệ công chúng, chuyên ngành truyền thông marketing; có khả năng vận dụng những kiến thức lý thuyết vào thực tiễn hoạt động truyền thông, quan hệ công chúng, quảng cáo và marketing của các cơ quan Nhà

+ Chương trình đào tạo Cử nhân ngành Truyền thông Đa phương tiện của Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc Gia Hà Nội, cập nhật năm 2022.

+ Chương trình cử nhân quốc tế Quảng cáo, Quan hệ công chúng và Truyền thông/Thương hiệu của Đại học Middlesex Vương Quốc Anh tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, cập nhật năm 2022.

3.1.2. Kết quả khảo sát

** Khảo sát nhu cầu xã hội*

- Thông qua các cuộc tọa đàm, hội thảo, trao đổi chuyên đề, hội đồng chuyên môn, đặc biệt là các cuộc hội thảo, tọa đàm lấy ý kiến các bên liên quan, bao gồm: chuyên gia, nhà tuyển dụng, giảng viên, cựu người học và người học hiện tại, có thể thấy nhu cầu tuyển dụng, tìm kiếm nhân lực chất lượng cao có kiến thức chuyên sâu về Quan hệ công chúng, truyền thông, marketing hiện nay đang rất lớn. Từ cơ quan, tổ chức nhà nước, cho đến các công ty, doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh tư nhân, các tổ chức phi chính phủ,...đều cần nguồn nhân lực không chỉ có kiến thức về chuyên môn đúng ngành, nghề, mà còn có kinh nghiệm thực hành trong lĩnh vực. Có thể thấy, cơ hội việc làm rộng mở cho người học sau tốt nghiệp.

- Kết quả khảo sát các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, doanh nghiệp, cựu sinh viên và sinh viên năm thứ 3 (năm học 2022 – 2023) khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo - Học viện Báo chí và Tuyên truyền cho thấy tỷ lệ các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, doanh nghiệp hài lòng với năng lực của sinh viên sau tốt nghiệp là trên 93.8%; tỷ lệ cựu sinh viên làm đúng ngành, nghề cũng trên 89%, tỷ lệ sinh viên có việc làm ngay sau tốt nghiệp cũng rất cao.

** Khảo sát chất lượng đào tạo*

- Khảo sát với đối tượng sinh viên trước tốt nghiệp năm 2022, 2023 (theo yêu cầu rà soát, sửa đổi chương trình đào tạo của Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo – Học viện Báo chí và Tuyên truyền). Kết quả khảo sát cho thấy trên 80% sinh viên trước tốt nghiệp hài lòng với chương trình học của Khoa, Học viện.

3.2 Căn cứ pháp lý

Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012 và Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội ban hành Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Luật Giáo dục số 43/2019/QH 14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội ban hành

Quyết định số 9019/QĐ-HVCTQG ngày 29/04/2022 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Quyết định số 1111/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 12/03/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 Về việc thay thế tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học;

Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 6/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)

4.1. Kiến thức

PLO1	Hiểu và vận dụng các kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.
PLO2	Hiểu và vận dụng các kiến thức về các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học như chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, pháp luật, ngôn ngữ, tâm lý, phương pháp luận nghiên cứu, ngoại ngữ và tin học cơ bản.

PLO3	Vận dụng kiến thức cơ bản về truyền thông - marketing bao gồm: lý luận, mô hình, phương tiện, ngôn ngữ, đối tượng, loại hình, luật pháp và đạo đức nhằm phát hiện, phân tích và giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn trong truyền thông - marketing.
PLO4	Áp dụng được các kiến thức lý luận và thực tiễn về truyền thông - marketing trong lĩnh vực chính trị, văn hoá, kinh tế, xã hội, môi trường, giáo dục và các lĩnh vực khác như báo chí, quan hệ quốc tế, ngoại giao.
PLO5	Vận dụng kiến thức cơ bản về một số ngành học liên quan bao gồm: báo chí, quảng cáo, marketing vào hoạt động nghiên cứu và thực hành truyền thông - marketing.
PLO6	Áp dụng và triển khai được các kiến thức về lập kế hoạch, quy trình và các hoạt động, công cụ, chiến lược vào nghiên cứu, phát triển, vận hành và đánh giá các chiến dịch, dự án truyền thông - marketing.
PLO7	Vận dụng kiến thức truyền thông - marketing chuyên sâu vào quản lý vấn đề, quản lý danh tiếng, quản lý mối quan hệ với các nhóm công chúng của tổ chức và đánh giá thực trạng, dự báo xu hướng, đề xuất giải pháp kiến nghị trong lĩnh vực truyền thông.

4.2. Kỹ năng

PLO8	Thuyết trình, làm việc nhóm, phát ngôn, giao tiếp, đàm phán các ý tưởng và thành thạo ngoại ngữ, tin học.
PLO9	Phân tích, tranh biện, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo.
PLO10	Lập kế hoạch truyền thông - marketing: nghiên cứu, tổ chức thực hiện, đánh giá hiệu quả các chiến dịch, các dự án quan hệ công chúng, truyền thông - marketing.
PLO11	Thiết kế, sáng tạo và sản xuất các sản phẩm trong lĩnh vực truyền thông - marketing.
PLO12	Quản lý mối quan hệ với các nhóm công chúng, quản lý các hoạt động, chiến dịch, dự án truyền thông - marketing.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO13	Thể hiện năng lực làm việc độc lập và cộng tác trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm, có khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.
PLO14	Thể hiện thái độ tích cực, tinh thần trách nhiệm trong công việc, có đạo đức nghề nghiệp, năng lực tự chủ, có năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có năng lực nhận diện, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ tư tưởng của Đảng trong học tập và hoạt động chuyên môn.
PLO15	Thể hiện năng lực lãnh đạo, điều phối, quản lý các nguồn lực, dẫn dắt khởi nghiệp các dự án, mô hình, doanh nghiệp hoặc tổ

chức trong lĩnh vực truyền thông - marketing.

4.4. Trình độ Ngoại ngữ, Tin học

Thực hiện theo Quy định về chuẩn đầu ra trình độ Ngoại ngữ, Tin học đối với các hệ, các trình độ đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (Ban hành kèm theo Quyết định số 617 - QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 13 tháng 1 năm 2023 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

- Trình độ Ngoại ngữ: Người học khi tốt nghiệp phải đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

- Trình độ Tin học: Người học khi tốt nghiệp phải có chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

5. Ma trận liên kết giữa mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và Khung trình độ quốc gia

Mục tiêu đào tạo \ PLOs	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Kiến thức	x	x	x	x	x	x	x								
Kỹ năng								x	x	x	x	x			
Mức độ tự chủ và trách nhiệm													x	x	x

6. Chuẩn đầu vào CTĐT

Đối tượng: Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc trình độ tương đương.

Tiêu chí, chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh: thực hiện theo Đề án tuyển sinh và Quy chế tuyển sinh từng năm của Học viện.

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp thực hiện theo Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

8. Sơ đồ cây chương trình đào tạo

Kỹ 1. Chọn 1 trong 2 HP (18) Tổng Anh học phần 1 (4TC) TC) Tổng Trung học phần 1 (4TC)	Chinh trị học đại cương (2TC)	Triết học (2TC)	TT Hồ Chí Minh (2TC)	Chọn 1 trong 3 HP PR và các phương tiện truyền thông sống (2TC) Tâm lý học xã hội (2TC) Định hình tri thức (2TC)	Lịch sử DCNN (2TC)	Quan hệ cộng đồng và Quảng cáo (2TC)	Giáo dục thể chất 3 (1TC)
Kỹ 2. Chọn 1 trong 2 HP (16) Tổng Anh học phần 2 (4TC) TC) Tổng Trung học phần 2 (4TC)	Chọn 1 trong 3 HP Hình thành và phát triển xã hội Kỹ năng giao tiếp, đàm phán và tranh luận (2TC) Các chuyên đề quan hệ cộng đồng (2TC)	Chưa nghiên cứu khoa học (2TC)	Tin học ứng dụng (2TC)	Lý thuyết truyền thông (2TC)	Kinh tế chính trị (2TC)	Giáo dục thể chất 2 (1TC)	Giáo dục quốc phòng
Kỹ 3. Chọn 1 trong 2 HP (17) Tổng Anh học phần 3 (4TC) TC) Tổng Trung học phần 3 (4TC)	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn (2TC)	Chọn 1 trong 3 HP Cơ sở văn hóa Việt Nam (2TC) Các loại hình báo chí - truyền thông (2TC) Truyền thông đa phương tiện (2TC)	Pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông (2TC)	Quan hệ quốc tế (2TC)	Thuyết chính trị - xã hội (2TC)	Nghệ thuật biên tập báo chí truyền thông (2TC)	Giáo dục thể chất 3 (1TC)
Kỹ 4. Chọn 1 trong 2 HP (17) Tổng Anh học phần 4 (3TC) TC) Tổng Trung học phần 4 (3TC)	Pháp luật đại cương (2TC)	Công chúng báo chí - truyền thông (2TC)	Xuất bản điện tử (2TC)	Chọn 1 trong 3 HP Xã hội học đại cương (2TC) Tâm lý học đại học đại học (2TC) Tư duy Việt thực hành (2TC)	Truyền thông quốc tế và báo chí đại ngoại (2TC)	Xây dựng Đường (2TC)	Giáo dục thể chất 4 (1TC)
Kỹ 5. Chọn 1 trong 3 HP (18) Tổng Anh học phần 5 (4TC) TC) Tổng Trung học phần 5 (4TC)	Chọn 1 trong 4 HP Giao tiếp, phát ngôn và quan hệ chính (2TC) Truyền thông đại chúng (2TC) Truyền thông trong lĩnh vực, quản lý (2TC) Báo chí và đại luận xã hội (2TC)	Dẫn chương trình (2TC)	Chọn 1 trong 3 HP Truyền thông tiếp thị tích hợp (2TC) Ứng dụng công nghệ số trong truyền thông - marketing (2TC) Viết bài quảng cáo (2TC)	Xây dựng và quản trị thương hiệu (2TC)	Chọn 1 trong 4 HP PR chuyên nghiệp (2TC) Truyền thông đại chúng (2TC) Văn hóa doanh nghiệp (2TC) Kinh tế truyền thông (2TC)	Marketing (2TC)	
Kỹ 6. Chọn 1 trong 3 HP (18) Tổng Anh học phần 6 (4TC) TC) Tổng Trung học phần 6 (4TC)	Nghệ thuật và phát triển xã hội (2TC) Kỹ năng và phát triển xã hội (2TC)	Chọn 1 trong 3 HP Quản lý tài chính và kế toán (2TC) Vấn đề pháp luật trong PR (2TC) Giáo dục truyền thông (2TC)	Chọn 1 trong 3 HP Kỹ năng và phát triển xã hội (2TC) Kỹ năng và phát triển xã hội (2TC)	Kỹ năng và phát triển xã hội (2TC)	Kỹ năng và phát triển xã hội (2TC)		
Kỹ 7. Chọn 1 trong 3 HP (15) Tổng Anh học phần 7 (4TC) TC) Tổng Trung học phần 7 (4TC)	Chọn 1 trong 3 HP Kỹ năng và phát triển xã hội (2TC) Kỹ năng và phát triển xã hội (2TC)	Chọn 1 trong 3 HP Quản lý tài chính và kế toán (2TC) Vấn đề pháp luật trong PR (2TC) Giáo dục truyền thông (2TC)	Chọn 1 trong 3 HP Kỹ năng và phát triển xã hội (2TC) Kỹ năng và phát triển xã hội (2TC)	Kỹ năng và phát triển xã hội (2TC)	Kỹ năng và phát triển xã hội (2TC)		
Kỹ 8. Chọn 1 trong 3 HP (15) Tổng Anh học phần 8 (4TC) TC) Tổng Trung học phần 8 (4TC)	Chọn 1 trong 2 phương án: - PA1: Tác phẩm (đi ngoại) Khoa học tài nguyên (6TC) - PA2: Quản trị xã hội (3TC) Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (3TC)	Chọn 1 trong 3 HP Quản lý tài chính và kế toán (2TC) Vấn đề pháp luật trong PR (2TC) Giáo dục truyền thông (2TC)	Chọn 1 trong 3 HP Kỹ năng và phát triển xã hội (2TC) Kỹ năng và phát triển xã hội (2TC)	Kỹ năng và phát triển xã hội (2TC)	Kỹ năng và phát triển xã hội (2TC)		
Kỹ 9. Chọn 1 trong 3 HP (15) Tổng Anh học phần 9 (4TC) TC) Tổng Trung học phần 9 (4TC)	Chọn 1 trong 3 HP Quản lý tài chính và kế toán (2TC) Vấn đề pháp luật trong PR (2TC) Giáo dục truyền thông (2TC)	Chọn 1 trong 3 HP Quản lý tài chính và kế toán (2TC) Vấn đề pháp luật trong PR (2TC) Giáo dục truyền thông (2TC)	Chọn 1 trong 3 HP Kỹ năng và phát triển xã hội (2TC) Kỹ năng và phát triển xã hội (2TC)	Kỹ năng và phát triển xã hội (2TC)	Kỹ năng và phát triển xã hội (2TC)		

9. Nội dung chương trình

9.1. Các khối kiến thức

Khối kiến thức	Số tín chỉ
A. Kiến thức giáo dục đại cương	44
A1. Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh	11
A2. Khoa học xã hội và nhân văn	15
<i>Bắt buộc</i>	9
<i>Tự chọn</i>	6/16
A3. Toán và khoa học tự nhiên	3
A4. Ngoại ngữ	15/30
A5. Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng	13
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	86
B1. Kiến thức cơ sở ngành	21
<i>Bắt buộc</i>	15
<i>Tự chọn</i>	6/20
B2. Kiến thức ngành	31
<i>Bắt buộc</i>	25
<i>Tự chọn</i>	6/21
B3. Kiến thức chuyên ngành	28
<i>Bắt buộc</i>	22
<i>Tự chọn</i>	6/18
B4. Khóa luận/ Học phần thay thế khóa luận	6
Tổng	130

9.2. Nội dung chi tiết

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
A. Kiến thức giáo dục đại cương			44										
A1. Khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh			11										
1	TM01012	Triết học Mác-Lênin	3	1,5	1	0,5	12,5	10	25	0	5	22,5	
2	KT01011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	1,5	0,25	0,25	20	2,5	0	0	7,5	11,25	
3	CN01001	CNXHKH	2	1,5	0,25	0,25	15	7,5	5	0	2,5	11,25	
4	LS01002	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1,5	0,25	0,25	17,5	5	2,5	0	5	11,25	
5	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,5	0,25	0,25	22,5	0	2,5	0	5	11,25	
A2. Khoa học xã hội và nhân văn			15										
Bắt buộc			9										
6	NP01001	Pháp luật đại cương	3	2	0,8	0,2	30	0	10	0	14	9	
7	CT01001	Chính trị học đại cương	2	1,5	0,3	0,2	15	7,5	9	0	0	9	
8	XD01001	Xây dựng Đảng	2	1,5	0,25	0,25	17,5	5	2,5	0	5	11,25	
9	TG01004	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	2	1,5	0,25	0,25	15	7,5	5	0	2,5	11,25	
Tự chọn			6/18										
10	TT01002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	1,5	0,25	0,25	22,5	0	7,5	0	0	11,25	
11	PT02501	Các loại hình báo chí - truyền thông	2	1,5	0,25	0,25	12,5	10	0	2,5	5	11,25	

12	QT02552	Địa chính trị thế giới	2	1,5	0,25	0,25	17,5	5	7,5	0	0	11,25	
13	TG01025	Tâm lý học dạy học đại học	2	1,5	0,25	0,25	15	7,5	5	0	2,5	11,25	
14	TG01007	Tâm lý học xã hội	2	1,5	0,25	0,25	15	7,5	5	0	2,5	11,25	
15	XB01101	Tiếng Việt thực hành	2	1,5	0,25	0,25	22,5	0	7,5	0	0	11,25	
16	QQ02508	PR và các phương tiện truyền thông sáng tạo	2	1,5	0,25	0,25	15	7,5	0	0	7,5	11,25	
17	BC02235	Truyền thông đa phương tiện	2	1,5	0,25	0,25	12,5	10	2,5	0	5	11,25	
18	XH01001	Xã hội học đại cương	2	1,5	0,25	0,25	20	2,5	5	0	2,5	11,25	
A3. Toán và khoa học tự nhiên			3										
19	ĐC01005	Tin học ứng dụng	3	1	1	1	15	0	0	20	10	45	
A4. Ngoại ngữ			15/30									0	
20	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	4	2	1.5	0.5	20	10	30		15	22.5	
21	NN01016	Tiếng Anh học phần 2	4	2	1.5	0.5	20	10	30		15	22.5	
22	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	4	2	1.5	0.5	20	10	30		15	22.5	
23	NN01018	Tiếng Anh học phần 4	3	1.5	1	0.5	16.5	6	21		9	22.5	
24	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	4	2	1.5	0.5	20	10	30		15	22.5	
25	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	4	2	1.5	0.5	20	10	30		15	22.5	
26	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	4	2	1.5	0.5	20	10	30		15	22.5	
27	NN01022	Tiếng Trung học phần 4	3	1.5	1	0.5	16.5	6	21		9	22.5	

B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			86										
B1. Kiến thức cơ sở ngành			21										
<i>Bắt buộc</i>			<i>15</i>										
28	BC02801	Lý thuyết truyền thông	3	1.5	1	0.5	22.5	0	24.5	0	5.5	22.5	
29	PT02306	Pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông	3	1.5	1	0.5	22.5	0	24.5	0	5.5	22.5	
30	QQ02101	Nhập môn quan hệ công chúng và quảng cáo	3	1.5	1.25	0.25	12.5	10	15	0	22.5	11.25	
31	QT51001	Quan hệ quốc tế	2	1.5	0.25	0.25	17.5	5	7.5	0	0	11.25	
32	XB02601	Nghề nghiệp biên tập báo chí truyền thông	2	1.5	0.25	0.25	17.5	5	7.5	0	0	11.25	
33	QQ02608	Thực tế chính trị - xã hội	2	0.5	1	0.5	7.5	0	0	0	30	22.5	
<i>Tự chọn</i>			<i>6/20</i>										
34	QQ42020	Hành vi khách hàng	2	1	0.75	0.25	10	5	10	0	12.5	11.25	
35	QQ42021	Kỹ năng tranh biện	2	1	0.75	0.25	10	5	10	0	12.5	11.25	
36	QQ42022	Truyền thông - marketing trên mạng xã hội	2	1	0.75	0.25	10	5	10	0	12.5	11.25	
37	QQ42023	Quan hệ báo chí	2	1	0.75	0.25	10	5	5	0	17.5	11.25	
38	QQ42024	Các chuyên đề truyền thông - marketing	2	1	0.75	0.25	10	5	10	0	12.5	11.25	
39	QQ42025	Lễ tân ngoại giao	2	1	0.75	0.25	10	5	10	5	7.5	11.25	
40	QQ42026	Ngôn ngữ truyền thông	2	1.5	0.25	0.25	15	7.5	0	0	7.5	11.25	

54	QQ43036	PR chuyên nghiệp	3	1.5	1.25	0.25	12.5	10	15	0	22.5	11.25	QQ02101
55	QQ03472	Viết lời quảng cáo	3	1.5	1.25	0.25	15	7.5	17.5	0	20	11.25	
56	QQ02609	Truyền thông nội bộ	3	1.5	1.25	0.25	12.5	10	15	0	22.5	11.25	
57	QQ02603	Văn hoá doanh nghiệp	3	1.5	1.25	0.25	12.5	10	15	0	22.5	11.25	
58	QQ02602	Kinh tế truyền thông	3	1.5	1.25	0.25	15	7.5	12.5		25	11.25	
59	QQ03301	Ứng dụng công nghệ số trong truyền thông - marketing	3	1.5	1.25	0.25	15	7.5	7.5	0	30	11.25	QQ43035
B3. Kiến thức chuyên ngành			28										
Bắt buộc			22										
60	QQ53002	Chiến lược Marketing	3	1.5	1.25	0.25	12.5	10	7.5	0	30	11.25	QQ43035
61	QQ43038	Sáng tạo nội dung truyền thông – marketing	3	1.5	1.25	0.25	15	7.5	17.5	0	20	11.25	
62	QQ42028	Kỹ năng viết cho PR và quảng cáo	2	1	0.75	0.25	10	5	10	0	12.5	11.25	QQ02101
63	QQ43040	Sản xuất sản phẩm truyền thông - marketing	3	1.5	1.25	0.25	15	7.5	7.5	0	30	11.25	QQ43035
64	QQ02616	Marketing kỹ thuật số	3	1.5	1.25	0.25	12.5	10	7.5	0	30	11.25	QQ43035
65	QQ43041	Dự án truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC)	3	1.5	1.25	0.25	12.5	10	7.5	0	30	11.25	
66	QQ42029	Hồ sơ và phỏng vấn tuyển dụng	2	1	0.75	0.25	10	5	10	0	12.5	11.25	
67	QQ43042	Thực tập tốt nghiệp	3	0.5	2	0.5	5	2.5	0	0	60	22.5	

<i>Tự chọn</i>			6/18										
68	QQ53008	Quản lý vấn đề và xử lý khủng hoảng truyền thông	3	1.5	1.25	0.25	12.5	10	15	0	22.5	11.25	
69	QQ43044	Quản trị bán hàng và quan hệ khách hàng	3	1.5	1.25	0.25	22.5	0	17.5	0	20	11.25	
70	QQ53013	Vận động hành lang trong PR	3	1.5	1.25	0.25	12.5	10	15	0	22.5	11.25	QQ02101
71	QQ43046	Chiến dịch truyền thông - marketing	3	1	1.5	0.5	15	0	10	0	35	22.5	QQ43035
72	QQ43047	Truyền thông gây quỹ	3	1.5	1.25	0.25	22.5	0	15	7.5	15	11.25	
73	QQ43048	Truyền thông quảng bá ngôi sao	3	1.5	1.25	0.25	15	7.5	7.5	0	30	11.25	
B4. Khóa luận/Tác phẩm tốt nghiệp/Học phần thay thế khóa luận			6										
74	QQ04024	Khóa luận tốt nghiệp/ Tác phẩm tốt nghiệp	6	1	4	1	10	5	0	0	120	45	
<i>Học phần thay thế khóa luận</i>			6										
75	QQ43049	Quản trị sự kiện	3	1.5	1	0.5	22.5	0	15	0	15	22.5	
76	QQ02610	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR)	3	1.5	1	0.5	22.5	0	15	0	15	22.5	

10. Ma trận liên kết giữa các học phần với CDR của CTĐT

T T	Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
		Kiến thức							Kỹ năng					Mức độ tự chủ & trách nhiệm		
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Triết học Mác-Lênin	H5	L2						L2						H4	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	H5	L2						L2						H4	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	H5	L2						L2						H4	
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	H5	L2						L2						H4	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	H5	L2						L2						H4	
6	Pháp luật đại cương		H5						L2						M3	
7	Chính trị học đại cương		H5						L2						M3	
8	Xây dựng Đảng		H5						L2						M3	
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn		H5						L2						M3	
10	Cơ sở văn hóa Việt Nam		H5						L2						M3	
11	Các loại hình báo chí - truyền thông					H5			M3					M3	M3	
12	Địa chính trị thế giới		H5						L2						M3	
13	Tâm lý học dạy học đại học		H5						L2						M3	
14	Tâm lý học xã hội		H5						L2						M3	
15	Tiếng Việt thực hành		H5						L2						M3	
16	PR và các phương tiện truyền thông sáng tạo					H5			M3					M3	M3	

17	Truyền thông đa phương tiện					H5			M3					M3	M3	
18	Xã hội học đại cương		H5						M3						M3	
19	Tin học ứng dụng		H5						M3					L2	L2	
20	Tiếng Anh học phần 1		H5						M3					L2	L2	
21	Tiếng Anh học phần 2		H5						M3					L2	L2	
22	Tiếng Anh học phần 3		H5						M3					L2	L2	
23	Tiếng Anh học phần 4		H5						M3					L2	L2	
24	Tiếng Trung học phần 1		H5						M3					L2	L2	
25	Tiếng Trung học phần 2		H5						M3					L2	L2	
26	Tiếng Trung học phần 3		H5						M3					L2	L2	
27	Tiếng Trung học phần 4		H5						M3					L2	L2	
28	Lý thuyết truyền thông			H5	M4				M3					M3	L2	
29	Pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông			H5	M4				M3					M3	L2	
30	Nhập môn quan hệ công chúng và quảng cáo			H5	M4				M3					M3	L2	
31	Quan hệ quốc tế	L1			H5	M3			M3					M3	L2	
32	Nghiệp vụ biên tập báo chí truyền thông			M4	H5				M3					M3	L2	
33	Thực tế chính trị - xã hội		L2	M3	H5	M3			M3				M3	M3	M3	M3
34	Hành vi khách hàng				H5	M4			M3					M3	M3	
35	Kỹ năng tranh biện					H5			M3	H4				M3	M3	

36	Truyền thông-marketing trên mạng xã hội				H5	H5			M3		M3			M3	M3	
37	Quan hệ báo chí				H5	H5			M3					M3	M3	
38	Các chuyên đề truyền thông - marketing			H5	H5			M4	M3		M3		M3	M3	M3	
39	Lễ tân ngoại giao			M4	H5				M3				M3	M3	M3	
40	Ngôn ngữ truyền thông			H5	M4				M3					M3	M3	
41	Truyền thông trong lãnh đạo, quản lý			H5	M4			M4	M3					M3	M3	L2
42	Xây dựng thương hiệu cá nhân					H5		M4	M3		H4		M3	M3	M3	M3
43	Truyền thông dữ liệu				M4	H5			M3		M3			M3	M3	
44	Công chúng báo chí – truyền thông				H5	H5		M4	M3					M3	M3	
45	Dẫn chương trình				M4				H4						M3	
46	Xây dựng và quản trị thương hiệu				M4	H5		M4	M3		H4		H4	M3	M3	M3
47	Truyền thông quốc tế và báo chí đối ngoại				H5	M4			M3					M3	M3	L2
48	Xuất bản điện tử				H5	M3			M3					M3	L2	
49	Marketing			H5		H5			M3					M3	M3	
50	Nghiên cứu và phân tích dữ liệu truyền thông - marketing			H5		H5		M4	M3	H4				M3	M3	
51	Thiết kế sản phẩm truyền thông - marketing					H5	M4		L2			H4			M3	
52	Kiến tập nghề nghiệp		M3	M4	H5	M4			H4				M3	H4	H4	M3
53	Truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC)						H5	H5	H4		H4		M3	M3	M3	
54	PR chuyên nghiệp						H5	H5	H4		H4		M3	M3	M3	

55	Viết lời quảng cáo					H5			M3	H4		H4			M3	
56	Truyền thông nội bộ					H5	M4		M3		H4	M3		M3	M3	
57	Văn hoá doanh nghiệp				H5	M4			M3			H4		M3	M3	
58	Kinh tế truyền thông				H5				M3					M3	M3	
59	Ứng dụng công nghệ số trong truyền thông – marketing					H5	H5		H4			M3		M3	M3	
60	Chiến lược Marketing					H5	H5		H4		H4		M3	M3	M3	
61	Sáng tạo nội dung truyền thông - marketing					H5			M3	H4		H4			M3	
62	Kỹ năng viết cho PR và quảng cáo					H5			M3	H4		H4			M3	
63	Sản xuất sản phẩm truyền thông - marketing					H5			M3	H4		H4		M3	M3	
64	Marketing kỹ thuật số					H5	H5		H4			M3		M3	M3	
65	Dự án truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC)					M4	H5	H5	H4		H4		H4	H4	M3	M3
66	Hồ sơ và phỏng vấn tuyển dụng					H5			H4	M3				H4	H4	M3
67	Thực tập tốt nghiệp			H5	H5	H5	H5	H5	H4		H4	M3	H4	H4	H4	H4
68	Quản lý vấn đề và xử lý khủng hoảng truyền thông			H5		H5		H5	M3	H4			H4	H4	H4	H4
69	Quản trị bán hàng và quan hệ khách hàng					M4		H5	H4				H4	H4	M3	
70	Vận động hành lang trong PR					H5		H5	H4				H4	H4	M3	H4
71	Chiến dịch truyền thông -marketing					H5	H5	H5	H4		H4		H4	H4	M3	M3

72	Truyền thông gây quỹ					H5		H5	H4				H4	H4	M3	H4
73	Truyền thông quảng bá ngôi sao					H5		H5	H4				H4	H4	M3	M3
74	Khóa luận tốt nghiệp/ Tác phẩm tốt nghiệp			H5	H5	H5	H5	H5	H4	H4		H4		H4	H4	M3
75	Quản trị sự kiện					H5	H5	H5	H4	H4		H4		H4	H4	M3
76	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp			H5	H5	H5	H5	H5	H4					H4	H4	M3

Lưu ý:

CĐR kiến thức: L1, L2; M3, M4; H5, H6

CĐR kỹ năng: L1, L2; M3; H4, H5

CĐR mức độ tự chủ và trách nhiệm: L1, L2; M3; H4, H5

Trong đó: L (Low) là mức thấp; M (Medium) là mức trung bình; H (High) là mức cao

11. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
1	TM01012	Triết học Mác-Lênin	x							
2	KT01011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin		x						
3	CN01001	Chủ nghĩa xã hội khoa học		x						
4	LS01001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x							
5	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x							
6	NP01001	Pháp luật đại cương				x				
7	CT01001	Chính trị học đại cương	x							
8	XD01001	Xây dựng Đảng				x				

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
9	TG01004	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn			x					
10	TT01002	Cơ sở văn hóa Việt Nam			x					
11	PT02501	Các loại hình báo chí - truyền thông			x					
12	QT02560	Địa chính trị thế giới	x							
13	TG01025	Tâm lý học đại học				x				
14	TG01007	Tâm lý học xã hội				x		x		
15	XB40101	Tiếng Việt thực hành				x				
16	QQ02508	PR và các phương tiện truyền thông sáng tạo	x							
17	BC02235	Truyền thông đa phương tiện			x					
18	XH01001	Xã hội học đại cương				x				
19	ĐC01005	Tin học ứng dụng		x						
20	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	x							
21	NN01016	Tiếng Anh học phần 2		x						
22	NN01017	Tiếng Anh học phần 3			x					
23	NN01023	Tiếng Anh học phần 4				x				
24	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	x							
25	NN01020	Tiếng Trung học phần 2		x						
26	NN01021	Tiếng Trung học phần 3			x					
27	NN01024	Tiếng Trung học phần 4				x				
28	BC02801	Lý thuyết truyền thông		x						

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
29	PT02306	Pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông			x					
30	QQ02101	Nhập môn quan hệ công chúng và quảng cáo		x						
31	QT51001	Quan hệ quốc tế			x					
32	XB02601	Nghệ vụ biên tập báo chí truyền thông			x					
33	QQ02608	Thực tế chính trị - xã hội				x				
34	QQ42020	Hành vi khách hàng		x			x			
35	QQ42021	Kỹ năng tranh biện		x						
36	QQ42022	Truyền thông-marketing trên mạng xã hội		x						
37	QQ42023	Quan hệ báo chí					x			
38	QQ42024	Các chuyên đề truyền thông - marketing					x			
39	QQ42025	Lễ tân ngoại giao					x			
40	QQ42026	Ngôn ngữ truyền thông					x			
41	QQ43033	Truyền thông trong lãnh đạo, quản lý					x			
42	QQ43034	Xây dựng thương hiệu cá nhân					x			
43	QQ02301	Truyền thông dữ liệu					x			
44	BC02115	Công chúng báo chí - truyền thông				x				
45	PT03135	Dẫn chương trình					x			
46	QQ53015	Xây dựng và quản trị thương hiệu					x			
47	QT02401	Truyền thông quốc tế và báo chí đối ngoại				x				
48	XB02610	Xuất bản điện tử				x				
49	QQ43035	Marketing						x		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
50	QQ43037	Nghiên cứu và phân tích dữ liệu truyền thông – marketing							x	
51	QQ43039	Thiết kế sản phẩm truyền thông – marketing							x	
52	QQ03480	Kiến tập nghề nghiệp						x		
53	QQ56003	Truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC)					x			
54	QQ43036	PR chuyên nghiệp			x					
55	QQ03472	Viết lời quảng cáo					x			
56	QQ02609	Truyền thông nội bộ				x				
57	QQ02603	Văn hoá doanh nghiệp							x	
58	QQ02602	Kinh tế truyền thông					x			
59	QQ03301	Ứng dụng công nghệ số trong truyền thông – marketing					x			
60	QQ53002	Chiến lược Marketing						x		
61	QQ43038	Sáng tạo nội dung truyền thông – marketing						x		
62	QQ42028	Kỹ năng viết cho PR và quảng cáo							x	
63	QQ43040	Sản xuất sản phẩm truyền thông -marketing							x	
64	QQ02616	Marketing kỹ thuật số							x	
65	QQ43041	Dự án truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC)								x
66	QQ42029	Hồ sơ và phỏng vấn tuyển dụng							x	
67	QQ43042	Thực tập tốt nghiệp							x	
68	QQ53008	Quản lý vấn đề và xử lý khủng hoảng truyền thông							x	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
69	QQ43044	Quản trị bán hàng và quan hệ khách hàng						x		
70	QQ53013	Vận động hành lang trong PR						x		
71	QQ43046	Chiến dịch truyền thông -marketing						x		
72	QQ43047	Truyền thông gây quỹ								x
73	QQ43048	Truyền thông quảng bá ngôi sao							x	
74	QQ04024	Khóa luận tốt nghiệp/ Tác phẩm tốt nghiệp								x
75	QQ43049	Quản trị sự kiện								x
76	QQ02610	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp								x

12. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy phải đa dạng, phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, của các học phần trong chương trình đào tạo. Một số phương pháp giảng dạy thường được sử dụng ở bậc đại học: Giảng lý thuyết, thảo luận (thảo luận nhóm, thảo luận chuyên đề), nghiên cứu trường hợp (Case study), dạy học thông qua vấn đề (Problem-based learning), dạy học thông qua làm dự án (Project-based learning), thuyết trình (người học thuyết trình - Presentation), đóng vai, mô phỏng (Roleplay, simulation), làm thí nghiệm, bài tập thực hành (Experiment, exercise), nghiên cứu thực địa, thực tế, thực tập (Fieldwork)...

Mã trận liên kết giữa phương pháp giảng dạy và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Phương pháp hoạt động dạy và học	CHUẨN ĐẦU RA PLOs														
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15
1. Thuyết giảng tương tác	x	x	x	x	x	x	x	x	x					x	

2. Thảo luận nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x	x
3. Giải quyết vấn đề		x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x		x
4. Nghiên cứu trường hợp		x	x	x	x	x	x			x	x	x	x		x
5. Nhập vai, mô phỏng				x	x	x	x			x		x	x		x
6. Thực hành/thí nghiệm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7. Dự án (Sản phẩm)			x	x	x	x	x			x	x	x	x		x
8. Thực tế/thực tập		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
9. Sinh viên thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
10. Tự học	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

13. Phương pháp học tập

Ma trận liên kết giữa phương pháp học tập và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Phương pháp học tập	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Nghe giảng, ghi nhớ chủ động, đặt câu hỏi với GV	x	x	x	x	x	x	x	x	x					x	
2	Làm việc nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x	x
3	Quan sát, đánh giá, giải quyết vấn đề		x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x		x
4	Học qua trường hợp, ví dụ thực tế		x	x	x	x	x	x			x	x	x	x		x

5	Đóng vai, diễn tả				x	x	x	x			x		x	x		x
6	Triển khai thực hành/ thí nghiệm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7	Học qua dự án			x	x	x	x	x			x	x	x	x		x
8	Đi thực tế, thực địa		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
9	Đặt câu hỏi, tư duy phản biện	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
10	Nghiên cứu tài liệu, vẽ sơ đồ tư duy	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

14. Hình thức kiểm tra, đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 12; điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 15 Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

T T	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/ Dự án	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/ Dự án	
1	Triết học Mác-Lênin	x		x						x		x						
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x	x	x			x			x	x	x			x			
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x							x	x							x	

T T	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệ m	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/ Dự án	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/ Dự án	
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x				x				x				x				
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x				x	x			x				x	x			
6	Pháp luật đại cương	x				x	x			x				x	x			
7	Chính trị học đại cương	x		x								x						
8	Xây dựng Đảng	x				x	x					x		x	x			
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	x						x								x		
10	Cơ sở văn hóa Việt Nam	x			x					x			x					
11	Các loại hình báo chí - truyền thông							x	x							x	x	
12	Địa chính trị thế giới	x					x			x					x			

T T	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệ m	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/ Dự án	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/ Dự án	
13	Tâm lý học dạy học đại học	x						x		x						x		
14	Tâm lý học xã hội	x						x		x						x		
15	Tiếng Việt thực hành	x			x					x			x					
16	PR và các phương tiện truyền thông sáng tạo	x					x	x		x					x	x		
17	Truyền thông đa phương tiện							x	x							x	x	
18	Xã hội học đại cương			x			x					x			x			
19	Tin học ứng dụng					x		x						x		x		x
20	Tiếng Anh học phần 1			x	x							x	x					
21	Tiếng Anh học phần 2			x	x							x	x					
22	Tiếng Anh học phần 3			x	x							x	x					

T T	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệ m	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/ Dự án	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/ Dự án	
23	Tiếng Anh học phần 4			x	x							x	x					
24	Tiếng Trung học phần 1			x	x							x	x					
25	Tiếng Trung học phần 2			x	x							x	x					
26	Tiếng Trung học phần 3			x	x							x	x					
27	Tiếng Trung học phần 4			x	x							x	x					
28	Lý thuyết truyền thông						x	x	x						x	x	x	
29	Pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông	x				x	x			x				x	x			
30	Nhập môn quan hệ công chúng và quảng cáo							x	x							x	x	
31	Quan hệ quốc tế	x						x										
32	Nghệ thuật biên tập báo	x						x				x					x	

T T	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệ m	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/ Dự án	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/ Dự án	
	chí truyền thông																	
33	Thực tế chính trị - xã hội						x		x						x		x	
34	Hành vi khách hàng						x											
35	Kỹ năng tranh biện						x							x				
36	Truyền thông- marketing trên mạng xã hội							x	x							x	x	
37	Quan hệ báo chí	x					x	x		x					x	x		
38	Các chuyên đề truyền thông - marketing							x	x							x	x	
39	Lễ tân ngoại giao	x															x	
40	Ngôn ngữ truyền thông						x	x	x						x	x	x	

T T	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệ m	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/ Dự án	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/ Dự án	
41	Truyền thông trong lãnh đạo, quản lý							x										
42	Xây dựng thương hiệu cá nhân							x	x							x	x	
43	Truyền thông dữ liệu	x															x	
44	Công chúng báo chí – truyền thông	x				x	x			x				x	x			
45	Dẫn chương trình						x	x	x						x	x	x	
46	Xây dựng và quản trị thương hiệu							x										
47	Truyền thông quốc tế và báo chí đối ngoại						x	x							x	x		
48	Xuất bản điện tử							x	x								x	
49	Marketing	x		x			x			x		x			x			
50	Nghiên cứu							x	x							x	x	

T T	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệ m	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/ Dự án	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/ Dự án	
	và phân tích dữ liệu truyền thông – marketing																	
51	Thiết kế sản phẩm truyền thông – marketing							x	x							x	x	
52	Kiến tập nghề nghiệp						x		x						x		x	
53	Truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC)							x	x							x	x	
54	PR chuyên nghiệp	x						x		x						x		
55	Viết lời quảng cáo							x	x							x	x	
56	Truyền thông nội bộ							x								x		
57	Văn hoá doanh nghiệp						x	x							x	x		
58	Kinh tế truyền thông	x						x		x						x		
59	Ứng dụng						x	x								x	x	

T T	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệ m	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/ Dự án	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/ Dự án	
	công nghệ số trong truyền thông – marketing																	
60	Chiến lược Marketing						x	x	x						x	x	x	
61	Sáng tạo nội dung truyền thông – marketing							x	x							x	x	
62	Kỹ năng viết cho PR và quảng cáo							x	x							x	x	
63	Sản xuất sản phẩm truyền thông - marketing							x	x							x	x	
64	Marketing kỹ thuật số						x	x	x						x	x	x	
65	Dự án truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC)							x	x							x	x	
66	Hồ sơ và phỏng vấn					x			x					x			x	

T T	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệ m	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/ Dự án	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/ Dự án	
	tuyển dụng																	
67	Thực tập tốt nghiệp						x	x										
68	Quản lý vấn đề và xử lý khủng hoảng truyền thông							x	x							x	x	
69	Quản trị bán hàng và quan hệ khách hàng	x					x	x		x					x	x		
70	Vận động hành lang trong PR	x					x	x							x	x		
71	Chiến dịch truyền thông -marketing							x	x							x	x	
72	Truyền thông gây quỹ			x					x			x					x	
73	Truyền thông quảng bá ngôi sao						x	x							x	x		
74	Khóa luận tốt nghiệp/ Tác								x								x	

T T	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệ m	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/ Dự án	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/ Dự án	
	phẩm tốt nghiệp																	
75	Quản trị sự kiện								x								x	
76	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp						x								x			

15. Điều kiện đội ngũ

- Số lượng giảng viên cơ hữu viên có học hàm Giáo sư, phó Giáo sư; giảng viên có học vị Tiến sĩ; giảng viên có học vị Thạc sĩ.

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chuyên môn	Học hàm		Học vị		
				GS	PGS	TS	ThS	ĐH
1	Nguyễn Thị Minh Hiền	1981	QHCC, QC, Truyền thông			x		
2	Vũ Tuấn Hà	1987	QHCC, Báo chí			x		
3	Nguyễn Hoàng Yến	1987	QHCC, Báo chí			x		
4	Mai Thị Lan Phương	1980	Xuất bản				x	

5	Đỗ Thị Hải Đăng	1988	QHCC, QC, Truyền thông				x	
6	Tào Thanh Huyền	1989	QHCC, QC, Truyền thông				x	
7	Lê Thị Thuý Linh	1990	QHCC, QC, Truyền thông				x	
8	Nguyễn Thuý Linh	1992	Truyền thông, Marketing				x	
9	Vũ Hạnh Ngân	1992	QHCC, QC, Truyền thông				x	
10	Đoàn Thị Quỳnh Nga	1995	Truyền thông, Báo chí, Marketing				x	
11	Nguyễn Thu Hà	1995	QHCC, QC, QHQT,				x	

- Số lượng giảng viên thỉnh giảng là các Giáo sư, phó Giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ, Giảng viên cao cấp đang công tác tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chuyên môn	Học hàm		Học vị		
				GS	PGS	TS	ThS	ĐH
1	PGS,TS. Mai Đức Ngọc	1968	Chính trị học		x			
2	PGS,TS. Phạm Minh Sơn	1968	Chính trị học		x			

3	PGS,TS. Nguyễn Thị Trường Giang	1978	Văn hoá		x			
4	PGS,TS. Trần Thanh Giang	1978	Chính trị học		x			
5	PGS,TS. Hà Huy Phụng	1969	Báo chí học		x			
6	PGS,TS. Nguyễn Ngọc Oanh	1965	Báo chí học		x			
7	PGS,TS. Đinh Thị Thu Hằng	1978	Báo chí học		x			
8	PGS,TS. Phạm Huy Kỳ	1957	Chính trị học		x			
9	PGS,TS. Lương Khắc Hiếu	1952	Chính trị học		x			
10	TS. Trần Văn Thư	1974	Ngữ văn			x		
11	PGS,TS. Phạm Hương Trà	1979	Xã hội học		x			
12	TS. Vũ Thùy Dương	1982	Xuất bản			x		
13	TS. Vũ Thanh Vân	1982	Báo chí học			x		

14	TS. Lương Ngọc Vĩnh	1965	Chính trị học – CTTT			x		
15	TS. Lê Thu Hà	1982	Báo chí học			x		
16	PGS,TS. Trương Thị Kiên	1978	Báo chí học		x			
17	TS. Đinh Thị Xuân Hòa	1974	Báo chí học			x		
18	TS. Bùi Thu Hương	1980	Xã hội học			x		
19	TS. Đinh Thị Thanh Tâm	1983	Chính trị học – CTTT			x		
20	TS. Lưu Thúy Hồng	1980	Quan hệ quốc tế			x		
21	TS. Nguyễn Nga Huyền	1985	Báo chí học			x		
22	TS. Dương Thu Hương	1978	Xã hội học			x		
23	TS Nguyễn Thị Như Huế	1979	Triết học			x		
24	ThS. Lương Đông Sơn	1991	Báo chí học				x	

25	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	1989	Quan hệ quốc tế			x		
26	ThS. Vũ Hoàng Oanh	1997	Truyền thông liên văn hoá và Quan hệ quốc tế				x	
27	TS. Lê Thị Nhã	1975	Báo chí học			x		
28	TS. Phạm Bình Dương	1985	Báo chí học			x		
29	ThS. Trần Quang Huy	1968	PP giảng dạy Tiếng Anh				x	
30	TS. Trần Thị Bình	1973	Pháp luật		x			
31	ThS. Lưu Thị Thu Phương	1983	Chính trị học – CTTT		x			

- Số lượng giảng viên thỉnh giảng là các Giáo sư, phó Giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ, Giảng viên cao cấp, chuyên gia, nhà thực hành nghề đang công tác tại các cơ quan, tổ chức ngoài Học viện:

T T	Họ và tên	Năm sinh	Chuyên môn	Học hàm, học vị	Cơ quan công tác
1	Tạ Ngọc Tấn	1954	Báo chí học	GS, TS	Phó chủ tịch, Hội đồng Lý luận Trung ương

16	Bùi Chí Trung	1978	Báo chí học	PGS.TS	Trường Đại học KHXH&NV
17	Phan Văn Kiên	1985	Báo chí học	Tiến sĩ	Trường Đại học KHXH&NV
18	Đỗ Anh Đức	1976	Báo chí học	Tiến sĩ	Trường Đại học KHXH&NV
19	Vũ Thị Kim Hoa	1969	Ngôn ngữ học	Tiến sĩ	Trường Đại học KHXH&NV
20	Trần Duy	1987	Báo chí học	Tiến sĩ	Học viện Bưu chính viễn thông
21	Phạm Trần Tuấn Bằng	1990	QHCC	Thạc sĩ	Huấn luyện viên, Trung tâm Hymalaya Yoga
22	Nguyễn Thị Huyền Trang	1980	Quản trị kinh doanh	Thạc sĩ	Giám đốc điều hành, Công ty truyền thông Mimosa
23	Kiều Thị Yên	1990	QHCC (QTTT)	Thạc sĩ	Quản lý dự án, Hệ thống Y tế Vinmec
24	Trương Đức Vinh	1988	Kỹ sư phần mềm	Chuyên gia	Giám đốc, Công ty TNHH ALPHA - F
25	Trần Trọng Hải	1992	QHCC (QTTT)	Thạc sĩ	Giám đốc, Công ty TNHH Thiết kế Hòa tọc
26	Bùi Nguyễn Ngọc Dương	1992	QHCC	Đại học	Trưởng phòng truyền thông - Marketing, Công ty TNHH US MEDICOM
27	Ngô Thị Hồng Hạnh	1975	Báo chí	Thạc sĩ	Phó trưởng khoa, Khoa Truyền thông, Trường Đại học Đại Nam
28	Bùi Minh Thúy	1992	Marketing kỹ thuật số	Thạc sĩ	Giảng viên, Đại học Quốc gia
29	Vũ Tú Anh	1990	Marketing thương mại	Đại học	Giám đốc vận hành, Công ty TNHH Cơ sở Cốt yếu
30	Lê Minh Hằng	1981	Quản trị kinh doanh	Thạc sĩ	Trưởng bộ môn Marketing, Khoa Quản trị Kinh doanh và Du lịch, Trường Đại

					học Hà Nội
31	Kiều Huy Dương	1996	QHCC (QTTT)	Thạc sĩ	Học viện Nghệ thuật và Thiết kế Monster Lab
32	Trần Việt Anh	1981	Mỹ thuật Công nghiệp	Đại học	Báo Nông thôn Ngày nay

16. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ CTĐT

16.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên	Các trang thiết bị chính	Số lượng
1	Phòng thực hành Ảnh báo chí	- Máy ảnh Canon EOS D1200. - Máy ảnh Nikon D800. - Máy tính bàn DELL. - Đèn chụp ảnh	1
2	Phòng thực hành Xuất bản báo in	- Máy tính bàn. - Máy chủ DELL. - Máy in. - Máy chiếu. - Âm thanh.	1
3	Phòng thực hành Báo chí – Truyền thông	- Máy tính bàn. - Máy in khổ A3. - Máy chiếu. - Âm thanh.	2
4	Phòng thực hành Phát thanh -	- Bộ trộn tín hiệu.	1

	Thu thanh	- Micro. - Loa kiểm âm. - Máy ghi âm KTS.	
5	Phòng thực hành quay phim	- Máy quay phim. - Bộ bàn trộn hình Full HD. - Bộ ghi hình Full HD. - Mixer Audio Soundcraft. - Mixer Video SONY. - Tivi - Cầu (Boom Camera). - Ray (Doll Camera). - Bàn ghế trường quay. - Đèn trường quay	1
6	Phòng thực hành quay phim (Trường quay ảo)	- Máy quay HD HXC-FB75KC. - Bộ điều khiển máy quay HXCU-FB70. - Hệ thống nhắc lời QPRO17. - Hệ thống bàn trộn hình HVS-110. - Hệ thống chuyển mạch tín hiệu 1616HD-3G. - Hệ thống kiểm tra tín hiệu Video (Tivi KD-43X8000E). - Hệ thống trường quay ảo 3D thời gian thực. - Hệ thống phát file. - Hệ thống streaming, quản lý khai thác tư liệu video, truyền hình hội tụ. - Hệ thống thu ghi tín hiệu. - Thiết bị thu/phát tín hiệu.	1

		- Hệ thống xử lý tín hiệu và tạo xung đồng bộ. - Hệ thống thiết bị intercom và audio. - Hệ thống ánh sáng trường quay. - Bàn ghế sofa dùng cho talkshow .	
7	Phòng thực hành dựng hình.	- Máy quay XDCAM HD422. - Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Máy in khổ A3.	1
8	Phòng thực hành học Ngoại ngữ (LAB)	- Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Tai nghe.	4
9	Phòng thực hành Xuất bản	- Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Máy Scan. - Máy Phôtô.	1
10	Phòng thực hành Báo mạng điện tử	- Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Tai nghe.	1
11	Phòng thực hành tin học	- Máy tính bàn. - Máy chiếu.	4

Thông kê phòng học

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	251	18.024

1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01	1.450
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	10	1.317
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	57	3.990
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	29	1.362
1.5.	Số phòng học đa phương tiện	01	100
1.6.	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	153	9.805
2	Thư viện, trung tâm học liệu	6	3.914
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	17	3.709
4	Nhà để xe	02	404
5	Nhà Y tế	02	120
6	Nhà ở KTX (phòng)	453	23.723
7	Khu thể thao	3	6.039
8	Khu dịch vụ	4	3.392
9	Phòng chờ GV	10	350
10	Khu WC	10	420
	Tổng		60.095

16.2. Học liệu phục vụ học tập giảng dạy (kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

Trung tâm Thông tin khoa học của Học viện có các sách chuyên khảo, tài liệu phục vụ nghiên cứu, giảng dạy, học tập các ngành. Đặc biệt, hệ thống thư viện đáp ứng nhu cầu đa dạng của người đọc với các phòng như: Phòng đọc sách, phòng đọc tạp chí, phòng mượn, phòng ngoại văn. Hoạt động nghiệp vụ thư viện đã được tin học hóa giúp cho việc khai thác và quản lý tư liệu được hiệu quả. Nhà trường cũng có Thư viện điện tử hiện đại trang bị hệ thống sách, giáo trình tài liệu tham khảo phong phú đa dạng. Bạn đọc có thể đọc toàn văn tài liệu số theo địa chỉ: <http://thuvien.aic.edu.vn:8080/dspace>.

TT	Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành	Số lượng
----	-------------------------------	----------

1.	Khối ngành III	3.097 tài liệu, trong đó 1.996 tài liệu in, 1131 tài liệu số.
2.	Khối ngành VII	36.251 tài liệu, trong đó: 27.132 tài liệu in; 9,119 tài liệu số.

16.3. Thống kê giáo trình, bài giảng

TT	Phân loại	Số lượng	Ghi chú
1	Giáo trình in sách	12 cuốn	
2	Giáo trình nội bộ	40 cuốn	
3	Sách chuyên khảo/ tham khảo	56 cuốn	
4	Đề cương bài giảng	203 bộ	

17. Một số lưu ý về thực hiện chương trình

- Hướng dẫn về mốc thời gian bắt đầu thực hiện chương trình, các quy định chuyển tiếp.
- Sinh viên được học tích lũy trước 15 tín chỉ của chương trình đào tạo thạc sĩ
- Sinh viên được xét tuyển học song bằng khi tích lũy đủ 30 tín chỉ trong CTĐT ngành thứ nhất
- Xác định các học phần tương đương với các học phần được điều chỉnh về nội dung, tên gọi, số tín chỉ hoặc các học phần thay thế cho học phần không còn được tổ chức đào tạo trong chương trình mới.
 - + Sinh viên sử dụng môn học thay thế tương đương với các học phần tự chọn trong chương trình khung
 - + Môn học cũ nhưng nay tăng số tín chỉ thì phải học môn học đó với số tín chỉ mới
 - + Môn học được gộp với số tín chỉ cao hơn trong chương trình mới thì phải học môn học thay thế trong chương trình khung
 - + Đối với những sinh viên học lại, học song bằng, nếu không tổ chức được lớp cho những môn học bắt buộc trong chương trình cũ có thể học các học phần tương đương hoặc thay thế, cụ thể như sau:

TT	Học phần cũ (chương trình 2022)	Học phần tương đương, thay thế (chương trình 2024)
----	------------------------------------	---

	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
	Kiến thức giáo dục đại cương					
	Bắt buộc					
1	QQ56011	Viết luận Tiếng Anh (Academic Writing)	2.0	CT01001	Chính trị học đại cương	2
	Tự chọn					
2	TT51002	Lịch sử văn minh thế giới	2.0	Chọn học 1 học phần tự chọn khác thuộc Kiến thức giáo dục đại cương để đảm bảo đủ tín chỉ tích lũy		
3	NN51015	Bồi dưỡng kỹ năng Tiếng Anh	2.0	Chọn học 1 học phần tự chọn khác thuộc Kiến thức giáo dục đại cương để đảm bảo đủ tín chỉ tích lũy		
4	QT51001	Quan hệ quốc tế đại cương	2.0	Chọn học 1 học phần tự chọn khác thuộc Kiến thức giáo dục đại cương để đảm bảo đủ tín chỉ tích lũy		
	Kiến thức cơ sở ngành					
	Bắt buộc					

5	QQ52003	Lý thuyết truyền thông và quan hệ công chúng	3	BC02801	Lý thuyết truyền thông	3
6	QQ56002	Nhập môn Quan hệ công chúng và Quảng cáo	3	QQ02101	Nhập môn quan hệ công chúng và quảng cáo	3
7	QQ56001	Marketing	3	PT02306	Pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông	3
8	QQ52001	Kỹ năng xã hội 1 – Thể chất	3	QQ51001 XB02601	Quan hệ quốc tế Nghệ thuật biên tập báo chí truyền thông	2 2
9	QQ56003	Nhập môn truyền thông tiếp thị tích hợp IMC	3	QQ56003	Truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC)	3
<i>Tự chọn</i>						
10	QQ52004	Ngôn ngữ truyền thông	3.0	Chọn học 1 học phần tự chọn khác thuộc Kiến thức cơ sở ngành để đảm bảo đủ tín chỉ tích lũy		

11	QQ56005	Truyền thông xã hội	3.0	Chọn học 1 học phần tự chọn khác thuộc Kiến thức cơ sở ngành để đảm bảo đủ tín chỉ tích lũy		
12	QQ52005	Truyền thông trong lãnh đạo, quản lý	3.0	Chọn học 1 học phần tự chọn khác thuộc Kiến thức cơ sở ngành để đảm bảo đủ tín chỉ tích lũy		
13	QQ56004	Truyền thông quốc tế	3.0	Chọn học 1 học phần tự chọn khác thuộc Kiến thức cơ sở ngành để đảm bảo đủ tín chỉ tích lũy		
Kiến thức ngành						
Bắt buộc						
14	QQ53015	Xây dựng và quản trị thương hiệu	3.0	QQ53015	Xây dựng và quản trị thương hiệu	3
15	QQ53011	Thiết kế trình bày các sản phẩm truyền thông	3.0	BC02115	Công chúng báo chí – truyền thông	3
16	QQ53006	Nghiên cứu và đánh giá trong truyền thông	3.0	QQ43035	Marketing	3

	Tự chọn					
17	QQ53007	Quan hệ báo chí	3.0	Chọn học 1 học phần tự chọn khác thuộc Kiến thức ngành để đảm bảo đủ tín chỉ tích lũy		
18	QQ56007	Chiến dịch truyền thông	3.0	Chọn học 1 học phần tự chọn khác thuộc Kiến thức ngành để đảm bảo đủ tín chỉ tích lũy		
Kiến thức chuyên ngành (và bổ trợ theo chtrình cũ)						
Bắt buộc						
19	QQ53010	Sáng tạo nội dung	3.0	QQ43038	Sáng tạo nội dung truyền thông – marketing	3
20	QQ53009	Sản xuất sản phẩm truyền thông	3.0	QQ43040	Sản xuất sản phẩm truyền thông - marketing	3
21	QQ56008	Hành vi khách hàng	3.0	QQ43044	Quản trị bán hàng và quan hệ khách hàng	3

22	QQ53012	Tổ chức sự kiện	3.0	QQ43041	Dự án truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC)	3
23	QQ53001	Các chuyên đề truyền thông	3.0	QQ02616	Marketing kỹ thuật số	3
24	QQ53004	Kỹ năng xã hội 2 – Tranh biện	2.0	QQ53008	Quản lý vấn đề và xử lý khủng hoảng truyền thông	3
25	QQ53003	Kĩ năng bán hàng	3.0	QQ43046	Chiến dịch truyền thông -marketing	3
26	QQ53008	Quản lý vấn đề và xử lý khủng hoảng	3.0	QQ53008	Quản lý vấn đề và xử lý khủng hoảng truyền thông	3
27	QQ53005	Kỹ năng xã hội 3 – Lễ tân ngoại giao và Hồ sơ xin việc	3.0	QQ42029 QQ42028	Hồ sơ và phỏng vấn tuyển dụng Kỹ năng viết cho PR và quảng cáo	2 2
Tự chọn						

28	QQ53014	Văn hóa doanh nghiệp	3.0	Chọn học 1 học phần tự chọn khác thuộc Kiến thức chuyên ngành để đảm bảo đủ tín chỉ tích lũy		
29	QQ53013	Vận động hành lang trong quan hệ công chúng	3.0	Chọn học 1 học phần tự chọn khác thuộc Kiến thức chuyên ngành để đảm bảo đủ tín chỉ tích lũy		
30	QQ56006	Gây quỹ	3.0	Chọn học 1 học phần tự chọn khác thuộc Kiến thức chuyên ngành để đảm bảo đủ tín chỉ tích lũy		
31	QQ56009	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp - CSR	3.0	Chọn học 1 học phần tự chọn khác thuộc Kiến thức chuyên ngành để đảm bảo đủ tín chỉ tích lũy		
32	QQ56010	Truyền thông quảng bá ngôi sao	3.0	Chọn học 1 học phần tự chọn khác thuộc Kiến thức chuyên ngành để đảm bảo đủ tín chỉ tích lũy		
Kiến tập, thực tập, khoá luận tốt nghiệp						
33	QQ54014	Thực tế kinh tế - xã hội	5.0	QQ02608	Thực tế chính trị - xã hội	2
				QQ03480	Kiến tập nghề nghiệp	4

18. Bản đối sánh giữa các phiên bản của CTĐT (phiên bản được ban hành trước đó và phiên bản hiện tại)

TT	Tiêu chí	Chương trình năm 2022	Chương trình năm 2024	Ghi chú (Giống/khác nhau, lý giải nguyên nhân, căn cứ của việc điều chỉnh)
1	Mục tiêu chung	Đào tạo, bồi dưỡng cử nhân ngành QHCC hàng đầu có năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong lĩnh vực truyền thông - marketing và QHCC; có kiến thức chuyên môn sâu, rộng; có kỹ năng nghiệp vụ, có tư duy sáng tạo, phản biện, có khả năng thích ứng với hoàn cảnh, làm việc trong môi trường công nghệ cao và hội nhập quốc tế; có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng HCM, yêu nước, trung thành với mục tiêu và lý tưởng của Đảng; có năng lực tự chủ và khả năng học tập suốt đời.	Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng ở bậc đại học ngành quan hệ công chúng, chuyên ngành truyền thông marketing; có khả năng vận dụng những kiến thức lý thuyết vào thực tiễn hoạt động truyền thông, quan hệ công chúng, quảng cáo và marketing của các cơ quan Nhà nước, tổ chức Phi chính phủ, doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế đa quốc gia; có khả năng đáp ứng những yêu cầu về trình độ nghiệp vụ chuyên môn và ngoại ngữ; đồng thời có thể học tiếp ở trình độ sau đại học trong nước và quốc tế.	- Rút gọn lại mục tiêu; - Nhấn mạnh hơn vào “chuyên ngành truyền thông marketing”; - Nhấn mạnh thêm về các cơ sở, tổ chức, doanh nghiệp mà người học có thể vận dụng kiến thức; - Bổ sung thêm trình độ chuyên môn, ngoại ngữ và khả năng học tiếp sau đại học.
	Mục tiêu cụ thể	Có 12 mục tiêu cụ thể, trong đó gồm: - 4 mục tiêu kiến thức - 8 mục tiêu kỹ năng và mức độ tự chủ	Có 10 mục tiêu cụ thể, trong đó gồm: - 4 mục tiêu kiến thức - 6 mục tiêu kỹ năng và mức độ tự chủ	- Rút ngắn mục tiêu từ 12 xuống còn 10 mục tiêu; - Cập nhật và nhấn mạnh vào những kiến thức, kỹ năng thực sự cần thiết với xu hướng của ngành hiện tại và tương lai;

Vị trí việc làm sau tốt nghiệp	Người được đào tạo có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm sau đây: - Nhân viên tại các công ty truyền thông chuyên nghiệp trong và ngoài nước. - Cán bộ truyền thông, QHCC, Marketing cho các tổ chức của Nhà nước, doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ. - Cán bộ nghiên cứu khoa học QHCC và hoạt động thực tiễn. - Cán bộ tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo, quản lý công tác báo chí truyền thông.	Người được đào tạo có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm sau đây: - Nhân viên tại các công ty truyền thông chuyên nghiệp, các công ty tư vấn/cung cấp dịch vụ quan hệ công chúng C và truyền thông marketing trong và ngoài nước. - Cán bộ truyền thông, quan hệ công chúng, marketing cho các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ. - Cán bộ nghiên cứu khoa học trong các viện, các công ty nghiên cứu trong nước hoặc toàn cầu về quan hệ công chúng và truyền thông marketing. - Chuyên viên phân tích, dự báo, tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo, quản lý công tác báo chí truyền thông. - Nhà sản xuất sản phẩm truyền thông có công việc tự do (Freelancer), nhà sáng tạo nội dung độc lập trên các nền tảng mạng xã hội (Content Creator), ...	- Cụ thể và cập nhật hơn với xu hướng nghề nghiệp của ngành; - Bổ sung thêm và viết rõ hơn một số cơ hội nghề nghiệp đặc thù, nhấn mạnh vào tính linh hoạt, đa năng của người học sau khi tốt nghiệp như nghề tự do, nghề sáng tạo nội dung,...
Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường	Trình bày về yêu cầu ngoại ngữ và tin học.	- Khả năng học tập và tích lũy kiến thức thực tiễn liên quan đến ngành, nghề: người học tốt nghiệp có khả năng vận dụng tốt chuyên môn được học trong chương trình vào các vị trí việc làm phù hợp với ngành, nghề, từ đó trau dồi thêm kinh nghiệm thực tế, kiến thức xã hội, kỹ năng mềm để tiếp tục phát triển trong tương lai. - Khả năng tiếp tục học tập ở các chương trình	- Nhấn mạnh vào khả năng học tập, khả năng vận dụng, tích lũy kinh nghiệm của người học sau khi tốt nghiệp; - Bổ sung thêm về khả năng học tiếp tại các chương trình sau đại học, chứng chỉ, văn bằng;

			đào tạo sau đại học: Người học tốt nghiệp có thể tiếp tục nâng cao kiến thức lý thuyết lẫn thực hành thông qua việc học thêm các chương trình đào tạo sau đại học như Thạc sĩ, các chứng chỉ, văn bằng trong nước và quốc tế. - Nâng cao trình độ tiếng Anh và tin học, đặc biệt liên quan đến lĩnh vực Quan hệ công chúng, truyền thông, marketing nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu của công việc.	
2	Căn cứ xây dựng chương trình	<i>Về các chương trình đào tạo tham khảo:</i> - Chương trình đào tạo trong nước: Chương trình cử nhân chất lượng cao ngành Truyền thông Marketing của Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo (Khoa QHCC-QC), Học viện Báo chí và Tuyên truyền, năm 2020 - Chương trình quốc tế: Chương trình cử nhân quốc tế Quảng cáo, QHCC và truyền thông của Đại học Middlesex Vương Quốc Anh tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, năm 2020 <i>Kết quả khảo sát nhu cầu xã hội</i> Đưa thông tin về kết quả khảo sát nhà tuyển dụng, giảng viên, sinh viên vào các năm trước. <i>Các căn cứ pháp lý</i> Đưa thông tin căn cứ pháp lý phù hợp với thời điểm năm 2022.	<i>Về các chương trình đào tạo tham khảo:</i> - Các chương trình đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ hiện hành tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền: + Chương trình cử nhân ngành Quan hệ công chúng chuyên nghiệp của Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo (Khoa QHCC-QC), Học viện Báo chí và Tuyên truyền, năm 2022. - Các chương trình đào tạo cùng ngành hoặc ngành gần của các trường đại học trong nước, các trường đại học nước ngoài: + Chương trình đào tạo Cử nhân ngành Truyền thông Đa phương tiện của Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc Gia Hà Nội. + Chương trình cử nhân quốc tế Quảng cáo, Quan hệ công chúng và Truyền thông/Thương hiệu của Đại học Middlesex Vương Quốc Anh tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, năm 2022. <i>Kết quả khảo sát nhu cầu xã hội</i> Đưa thông tin về kết quả khảo sát nhà tuyển	- Cập nhật toàn bộ thông tin cho phù hợp với thời điểm năm 2024.

			dụng, giảng viên, sinh viên, sinh viên tốt nghiệp vào các năm 2022, 2023. <i>Các căn cứ pháp lý</i> Cập nhật thông tin căn cứ pháp lý phù hợp với thời điểm năm 2024.	
3	Chuẩn đầu ra	Có 17 chuẩn đầu ra, trong đó gồm: - 7 PLO về kiến thức - 7 PLO về kỹ năng - 3 PLO về năng lực tự chủ và trách nhiệm	Có 15 chuẩn đầu ra, trong đó gồm: - 7 PLO về kiến thức - 5 PLO về kỹ năng - 3 PLO về mức độ tự chủ và trách nhiệm	- Cập nhật toàn bộ CDR cho phù hợp với yêu cầu thực tế của ngành, nghề, lĩnh vực; - Rút ngắn gọn từ 17 CDR thành 15 CDR; - Rút gọn và tách riêng về trình độ ngoại ngữ, tin học; - Bổ sung năng lực nhận diện, phân bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ tư tưởng của đảng. - Bổ sung thêm nhiều những thuật ngữ, kỹ năng cho phù hợp và đáp ứng với yêu cầu của thực tế.
4	Ma trận liên kết mục tiêu, CDR, Khung trình độ quốc gia	Đã có theo mục tiêu và CDR của năm 2022.	Cập nhật theo đúng quy định cho năm 2024.	- Bổ sung ma trận để làm rõ mối tương quan giữa các mục; - Chi tiết và chuẩn xác hơn, sát với hơn khung trình độ quốc gia.
5	Chuẩn đầu vào	Trình bày dưới mục đối tượng tuyển sinh.	Đối tượng: Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc trình độ tương đương. Tiêu chí, chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh: thực hiện theo Đề án tuyển sinh và Quy chế	- Rút gọn cách viết;

	<u>Kiến thức ngành 12 tín chỉ</u> <i>Bắt buộc 9 tín chỉ</i> Xây dựng và quản trị thương hiệu Thiết kế trình bày các sản phẩm truyền thông Nghiên cứu và đánh giá trong truyền thông <i>Tự chọn 3 tín chỉ</i> Quan hệ báo chí Chiến dịch truyền thông <u>Kiến thức chuyên ngành 23 tín chỉ</u> <i>Bắt buộc 20 tín chỉ</i> Chiến lược Marketing Sáng tạo nội dung Sản xuất sản phẩm truyền thông Hành vi khách hàng Tổ chức sự kiện Các chuyên đề truyền thông Kỹ năng xã hội 2 – Tranh biện <i>Tự chọn 3 tín chỉ</i> Văn hóa doanh nghiệp Vận động hành lang trong quan hệ công chúng <u>Kiến thức bổ trợ 12 tín chỉ</u> <i>Bắt buộc 9 tín chỉ</i> Kỹ năng bán hàng Quản lý vấn đề và xử lý khủng hoảng Kỹ năng xã hội 3 – Lễ tân ngoại giao và Hồ sơ xin việc <i>Tự chọn 3 tín chỉ</i> Gây quỹ Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp - CSR Truyền thông quảng bá ngôi sao	Các chuyên đề truyền thông - marketing Lễ tân ngoại giao Ngôn ngữ truyền thông Truyền thông trong lãnh đạo, quản lý Xây dựng thương hiệu cá nhân Truyền thông dữ liệu <u>Kiến thức ngành 31 tín chỉ</u> <i>Bắt buộc 25 tín chỉ</i> Công chúng báo chí – truyền thông Dẫn chương trình Xây dựng và quản trị thương hiệu Truyền thông quốc tế và báo chí đối ngoại Xuất bản điện tử Marketing Nghiên cứu và phân tích dữ liệu truyền thông – marketing Thiết kế sản phẩm truyền thông – marketing Kiến tập nghề nghiệp <i>Tự chọn 6 tín chỉ</i> Truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC) PR chuyên nghiệp Viết lời quảng cáo Truyền thông nội bộ Văn hoá doanh nghiệp Kinh tế truyền thông Ứng dụng công nghệ số trong truyền thông – marketing <u>Kiến thức chuyên ngành 28 tín chỉ</u> <i>Bắt buộc 22 tín chỉ</i> Chiến lược Marketing Sáng tạo nội dung truyền thông – marketing	truyền thông – marketing để bắt kịp xu hướng. - Kiến thức chuyên ngành: Thay đổi, cập nhật một số môn như: Nghiên cứu và phân tích dữ liệu truyền thông – marketing Sáng tạo nội dung truyền thông – marketing Dự án truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC) Hồ sơ và phỏng vấn tuyển dụng Chiến dịch truyền thông - marketing - Khoá luận, tác phẩm tốt nghiệp/ học phần thay thế KL Học phần thực tế kinh tế - xã hội được tách ra gồm thực tế và kiến tập; Học phần thực tập giảm còn 3 tín và thuộc kiến thức chuyên ngành Học phần khoá luận tốt nghiệp giảm còn 6 tín, bổ sung học phần thay thế.
--	--	--	---

		<u>Kiến tập, thực tập, khóa luận tốt nghiệp 25 tín chỉ</u> Thực tế kinh tế - xã hội 5 tín Thực tập nghề nghiệp 10 tín Khóa luận tốt nghiệp/Tác phẩm tốt nghiệp 10 tín	Kỹ năng viết cho PR và quảng cáo Sản xuất sản phẩm truyền thông -marketing Marketing kỹ thuật số Dự án truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC) Hồ sơ và phòng vấn tuyển dụng Thực tập tốt nghiệp <i>Tự chọn 6 tín chỉ</i> Quản lý vấn đề và xử lý khủng hoảng truyền thông Quản trị bán hàng và quan hệ khách hàng Vận động hành lang trong PR Chiến dịch truyền thông -marketing Truyền thông gây quỹ Truyền thông quảng bá ngôi sao <u>Khoá luận, tác phẩm tốt nghiệp/ học phần thay thế KL 6 tín chỉ</u> Khóa luận tốt nghiệp/Tác phẩm tốt nghiệp 6 tín Học phần thay thế 6 tín Quản trị sự kiện Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR)	
9	Ma trận liên kết học phần với CDR của CTĐT	Chưa có	Đã có và cập nhật theo CTĐT 2024	- Bổ sung và cập nhật ma trận;
10	Kế hoạch giảng dạy dự kiến	Phân bổ theo kỳ	Phân bổ theo kỳ và cập nhật	- Thay đổi theo cập nhật môn mới;

11	Phương pháp giảng dạy và học tập	Đã có bảng phương pháp dạy và học	Chỉnh sửa bảng phương pháp giảng dạy và học tập ứng với CDR chương trình	- Bổ sung thông tin;
12	Hình thức kiểm tra đánh giá	Kẻ bảng cho từng môn.	Kẻ bảng hình thức kiểm tra đánh giá cho từng môn.	- Bổ sung chi tiết thông tin cho từng học phần; - Bổ sung hình thức trực tuyến;
13	Điều kiện đội ngũ	Chưa có đầy đủ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng.	Liệt kê đội ngũ giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng	- Bổ sung chi tiết thông tin về đội ngũ giảng viên;
14	Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ; Học liệu;	Trình bày dưới dạng tóm tắt thông tin	Kẻ bảng thông tin chi tiết số liệu	- Bổ sung thông tin, cập nhật trang thiết bị, học liệu, giáo trình, bài giảng;
15	Một số lưu ý về thực hiện chương trình	Trình bày dưới dạng kế hoạch điều chỉnh chương trình	Kẻ bảng liệt kê các học phần tương đương, thay thế	- Bổ sung thông tin theo bảng yêu cầu;
16	Bản đối sánh	Đã có bảng đối sánh.	Kẻ bảng đối sánh chi tiết hơn.	- Bổ sung thông tin vào bảng đối sánh.
17	Đề cương chi tiết học phần	ĐCCT được làm theo các mục khá giống với năm 2020 mặc dù cũng đã bổ sung thêm ma trận và có phân bố giờ tín chỉ khác, cũng như thêm giờ tự học.	ĐCCT được cập nhật theo mẫu mới với các mục chi tiết và rõ ràng hơn với phân bổ tín chỉ LT; TH; tự học. Đồng thời ĐCCT cũng được thiết kế khoa học, tinh gọn hơn.	- Ghi rõ hơn đội ngũ giảng viên phụ trách; - Làm rõ các ma trận liên kết; - Tóm tắt lại mục tiêu, chuẩn đầu ra môn học; - Cập nhật học liệu cũng như nội dung môn;

II. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (ĐCCT đính kèm)

GIÁM ĐỐC



PGS, TS. Phạm Minh Sơn

TRƯỞNG BAN
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO



TS. Trần Văn Thư

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Thị Minh Hiền